

ĐỊNH LUẬT ÔM ĐỐI VỚI TOÀN MẠCH

Câu 1: Điện trở toàn phần của toàn mạch là

- A. toàn bộ các đoạn điện trở của nó
- B. tổng trị số các điện trở của nó
- C. tổng trị số các điện trở mạch ngoài của nó
- D. tổng trị số của điện trở trong và điện trở tương đương của mạch ngoài của nó

Câu 2: Khi mắc các điện trở song song với nhau tạo thành một đoạn mạch thì điện trở tương đương của đoạn mạch sẽ

- A. nhỏ hơn điện trở thành phần nhỏ nhất của đoạn mạch
- B. lớn hơn điện trở thành phần lớn nhất của đoạn mạch
- C. bằng trung bình cộng các điện trở của đoạn mạch
- D. bằng tổng của điện trở nhỏ nhất và lớn nhất của đoạn mạch

Câu 3: Đối với toàn mạch thì suất điện động của nguồn điện luôn có giá trị bằng

- A. độ giảm thế mạch ngoài
- B. tổng các độ giảm thế ở mạch ngoài và mạch trong
- C. độ giảm thế mạch trong
- D. hiệu điện thế giữa hai cực của nó

Câu 3: Theo định luật Ôm cho toàn mạch thì cường độ dòng điện qua mạch chính

- A. tỉ lệ nghịch với suất điện động của nguồn;
- B. tỉ lệ nghịch điện trở trong của nguồn;
- C. tỉ lệ nghịch với điện trở ngoài của nguồn;
- D. tỉ lệ nghịch với tổng điện trở trong và điện trở ngoài.

Câu 5: Hiệu điện thế hai đầu mạch ngoài được xác định bởi biểu thức nào sau đây?

- A. $U_N = Ir$.
- B. $U_N = I(R_N + r)$.
- C. $U_N = E - Ir$.
- D. $U_N = E + Ir$.

Câu 6: Một đoàn du khách bị lạc đường khi đang vào rừng thám hiểm, họ đã tạo ra lửa bằng cách dùng giấy bạc (lấy từ kẹo cao su) kẹp vào 2 đầu của viên pin (lấy từ đèn pin) như hình vẽ. Đó là ứng dụng của hiện tượng:

- A. Siêu dẫn
- B. Cộng hưởng điện
- C. Nhiệt điện
- D. Đoàn mạch

Câu 7: Cho một mạch điện gồm một pin 1,5 V có điện trở trong $0,5\ \Omega$ nối với mạch ngoài là một điện trở $2,5\ \Omega$. Cường độ dòng điện trong toàn mạch là

A. 3 A

B. $\frac{3}{5}$ A

C. 0,5 A

D. 2 A